

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 22/2025/HS-ST
Ngày 24-6-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Yến Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Thanh Minh – Phó Trưởng phòng Giáo dục huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

Ông Nguyễn Văn Lạc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa: Ông Ngô Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 20/2025/TLST-HS ngày 06 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2025/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Thái T, sinh ngày 07/02/2008. Nơi sinh: huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện V, tỉnh Long An. Nghề nghiệp: Không nghề nghiệp. Trình độ học vấn: 09/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1988 và bà Đặng Thị V, sinh năm 1990. Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 14/11/2024, bị cáo bị Ủy ban nhân dân xã V, huyện V xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.250.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản tại Quyết định số 1005/QĐ-XPHC. Bị cáo chưa nộp phạt.

Về nhân thân: Ngày 21/3/2025, bị cáo bị Ủy ban nhân dân xã T quyết định áp dụng biện pháp quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy, tại Quyết định số 477/QĐ-UBND.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam từ ngày 22/4/2025 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực M, Công an tỉnh L. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người đại diện của bị cáo:* Bà **Đặng Thị V**, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện V, tỉnh Long An. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông **Nguyễn Phát T1**, sinh năm 1965. Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh L. Có mặt.

- *Bị hại:*

1. Ông **Cao Văn S**, sinh năm 1966. Địa chỉ: Ấp B, xã V, huyện V, tỉnh Long An. Có mặt.

2. Bà **Trương Thị Đ1**, sinh năm 1964. Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị **Trương Thị Thắm E**, sinh năm 1997. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Long An. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Bà **Phan Thị B**, sinh năm 1972. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Long An. Vắng mặt.

2. Em **Cao Văn N**, sinh ngày 13/7/2010.

Người giám hộ cho Cao Văn N: Bà **Nguyễn Thị Ngọc G**, sinh năm 1968 (bà ngoại của em N). Cùng địa chỉ: Ấp R, xã T, huyện V, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thái T, sinh ngày 07/02/2008 (Giấy chứng sinh thể hiện ngày 27/11/2007) có 01 tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản bị Ủy ban nhân dân xã V xử phạt 1.250.000 đồng, đăng ký thường trú tại ấp C, xã T, huyện V, tỉnh Long An nhưng đã bỏ nhà sống lang thang từ khoảng tháng 4 năm 2024, để có tiền tiêu xài T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 14/3/2025, T đi bộ đến nhà ông Cao Văn S ở Ấp B, xã V, thấy trong nhà ông S không có người, T đi vào nhà tìm tài sản lấy trộm. Do cửa nhà ông S không khoá, T mở cửa, đi vào bên trong thấy 01 điện thoại di động hiệu Redmi A3, màu xanh ngọc, đang cắm sạc pin để ở cửa phòng ngủ, T rút dây sạc pin bỏ điện thoại vào túi quần. Nhìn lên kệ để đồ phía trước phòng ngủ thấy 01 điện thoại di động hiệu Redmi A3, màu xanh lá, T tiếp tục lấy bỏ vào túi quần. Sau khi lấy trộm 02 điện thoại, T đi ra ngoài, mang điện thoại cất giấu tại bụi cỏ gần gốc cây me tây, cách nhà ông S khoảng 70m, rồi trở lại phía trước nhà ông S nằm vờng, uống nước. Một lúc sau, T thấy Cao Văn N, sinh ngày 13/7/2010, đang chạy xe đạp điện, T rủ N đi thị trấn V chơi. N đồng ý,

khi N chở T đến gần chỗ cất giấu điện thoại, T bảo N dừng lại, T đi đến bụi cỏ lấy 02 cái điện thoại di động rồi lên xe N chở đi. Trên đường đi, N có hỏi T về 02 điện thoại, T nói với N là trộm điện thoại nhà ông S, N khuyên T trả nhưng T không đồng ý và còn nói bán được sẽ chia tiền cho N nhưng N từ chối. N tiếp tục chạy xe về hướng thị trấn V, trên đường đi thì bị Công an xã V mời về làm việc. Tại Cơ quan Công an, T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội tại nhà ông S.

Quá trình điều tra còn xác định sáng ngày 18/3/2025, T đến ở nhà bà Phan Thị B, thuộc ấp T, xã T, huyện V. Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, bà Trương Thị Đ1 (là người bán vé số), chạy xe đạp điện đến để phía trước nhà bà B, trong rổ xe đạp điện có một túi xách, trong túi xách có 01 bọc chứa 1.300.000 đồng tiền Việt Nam. Khoảng 11 giờ cùng ngày, T đến bên xe đạp điện mở túi xách ra lấy bọc tiền cất giấu trong người rồi đi vào nhà bà B. Khi bà Đ1 đi về, T đưa cho Trương Thị Thắm E 700.000 đồng nhờ T2 Em giữ dùm để chuộc điện thoại cho T và mua đồ ăn, T nói với Thắm E và bà B số tiền trên T nhặt được của bà Đ1. T giữ lại 600.000 đồng và bị rút mất lúc nào không biết. Sau khi nhận tiền, Thắm E sử dụng mua đồ ăn khoảng 500.000 đồng. Hơn 12 giờ cùng ngày, bà Đ1 phát hiện bị mất tiền nên trình báo Công an xã T. Tại Cơ quan Công an, T thừa nhận hành vi trộm cắp tiền của bà Đ1. Trương Thị Thắm E sau khi biết được T đã trộm cắp tiền của bà Đ1, sợ bị liên lụy đã tự nguyện trả lại cho bà Đ1 1.300.000 đồng.

Trong quá trình Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L đang thụ lý, xác minh 02 vụ trộm cắp tài sản nêu trên thì ngày 25/3/2025, Nguyễn Thái T tiếp tục lấy trộm số tiền 7.500.000 đồng của bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1970, là tiểu thương bán gà, vịt tại chợ B1, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An. Tuy nhiên, vụ việc đang trong quá trình điều tra, xác minh nên sẽ được xử lý sau.

Tại Kết luận định giá tài sản số 51/KL-HĐĐG, ngày 25/3/2025, của Hội đồng định giá thường xuyên trong Tổ tụng hình sự huyện V đã kết luận:

01 điện thoại di động hiệu Redmi A3, màu xanh ngọc, kiểu máy 23129RN51X, IMEI khe cắm thẻ sim 1: 861188076955385; IMEI khe cắm thẻ sim 2: 861188076955393; IMEI SV: 78, đã qua sử dụng, tại thời điểm định giá ngày 14/3/2025, có giá trị là 1.930.000 đồng.

01 điện thoại di động hiệu Redmi A3, màu xanh lá, kiểu máy 23129RN51X, IMEI khe cắm thẻ sim 1: 867908079880940; IMEI khe cắm thẻ sim 2: 867908079880957; IMEI SV: 78, đã qua sử dụng, tại thời điểm định giá ngày 14/3/2025, có giá trị là 1.930.000 đồng.

Tổng cộng 02 điện thoại di động bị cáo T trộm cắp của ông S có giá trị là 3.860.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 19/CT-VKSVH ngày 06/6/2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng đã quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Thái T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ quan điểm như Cáo trạng đã truy tố bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thái T phạm tội “Trộm cắp tài sản”, áp dụng tình tiết tăng nặng đối với bị cáo “Phạm tội 02 lần trở lên”, về tình tiết giảm nhẹ, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 90, 91, 98 và 101 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thái T từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 22/4/2025. Bị cáo là người chưa thành niên nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về vật chứng: 02 điện thoại di động bị cáo trộm cắp của ông Cao Văn S đã được Cơ quan chức năng xử lý trao trả cho chủ sở hữu nên đề nghị không xem xét; Đối với số tiền mặt 1.300.000 đồng bị cáo trộm cắp của bà Trương Thị Đ1 đã được chị Trương Thị T2 em tự nguyện trả lại cho bà Đ1 nên đề nghị không xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Đối với Trương Thị Thẩm E nhận của T 700.000 đồng. Tuy nhiên, khi T đưa tiền, T chỉ nhờ T2 Em giữ dùm để chuộc điện thoại cho T và mua thức ăn. Thẩm E không biết đó là tiền do T phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với Thẩm E là phù hợp.

Đối với Cao Văn N, sinh ngày 13/7/2010, khi Nguyễn Thái T lấy trộm 02 điện thoại di động của ông Cao Văn S, N không biết. Trên đường N chở T đi thị trấn V, N mới biết T trộm 02 điện thoại, N bảo T trả lại cho ông S và không có ý định nhận tiền khi T bán 02 điện thoại này. Mặc khác, hành vi phạm tội của T thuộc trường hợp tội phạm ít nghiêm trọng, N chưa đủ 16 tuổi, do đó Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với N là có căn cứ.

Người bào chữa cho bị cáo phát biểu quan điểm:

Căn cứ các tài liệu có trong vụ án và diễn biến tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo thống nhất nội dung Cáo trạng và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên. Tuy nhiên, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tình tiết: Bị cáo phạm tội ở độ tuổi chưa thành niên nên nhận thức còn hạn chế, gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo, hoàn cảnh khó khăn nên thiếu sự quan tâm dạy dỗ bị cáo, đề nghị áp dụng hình phạt thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát để bị cáo có cơ hội sớm hoà nhập cộng đồng, sửa chữa lỗi lầm.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, tỏ thái độ ăn năn hối cải, bị cáo thống nhất toàn bộ nội dung Cáo trạng và quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không tranh luận, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng và hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về quyết định, hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã khai trước Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an L, đúng với nội dung bản Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng đã truy tố bị cáo, đồng thời phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ nên có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 14/3/2025, tại nhà ông Cao Văn S, thuộc Ấp B, xã V, huyện V, tỉnh Long An, Nguyễn Thái T sinh ngày 07/02/2008 (là người chưa đủ 18 tuổi và có 01 tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản) đã thực hiện hành vi lén lút lấy trộm 02 điện thoại di động trị giá 3.860.000 đồng của ông Cao Văn S. Đến khoảng 11 giờ ngày 18/3/2025, tại phía trước nhà bà Phan Thị B, thuộc ấp T, xã T, huyện V, T tiếp tục thực hiện hành vi lấy trộm số tiền 1.300.000 đồng của bà Trương Thị Đ1.

[3] Bị cáo Nguyễn Thái T là người chưa thành niên, ở độ tuổi từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi, đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác với lỗi cố ý nên phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi vi phạm pháp luật của mình. Trong khoảng thời gian từ 14/3 đến 18/3/2025 bị cáo đã 02 lần thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Cao Văn S và bà Trương Thị Đ1. Bị cáo T trộm cắp tài sản 02 lần, 01 lần giá trị tài sản là 3.860.000 đồng, 01 lần là số tiền 1.300.000 đồng cùng với việc ngày 14/11/2024, bị cáo bị Ủy ban nhân dân xã V, huyện V xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.250.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản” nên cả 02 lần trộm cắp tài sản của bị cáo đều đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng truy tố bị cáo với tội danh nói trên là có căn cứ.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương, gây ra nhiều hệ lụy xấu cho xã hội. Do vậy, cần áp dụng một hình phạt nghiêm khắc nhằm mục đích cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và cũng để răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, do bị cáo là người chưa thành niên nên sẽ được cân nhắc, xem xét áp dụng mức hình phạt hợp lý, chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa lỗi lầm, hoàn thiện bản thân.

[5] Để có cơ sở tuyên mức hình phạt phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội cần phân tích đánh giá về nguyên nhân, động cơ dẫn đến hành vi phạm tội cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

[5.1] Về nguyên nhân, động cơ dẫn đến hành vi phạm tội xuất phát từ sự thiếu quan tâm, giáo dục của gia đình, bản thân bị cáo bị hạn chế về nhận thức và thiếu sự tu dưỡng, rèn luyện, bị cáo muốn có tiền để phục vụ nhu cầu cá nhân nhưng không muốn bỏ công sức lao động chân chính của mình ra để kiếm tiền mà lại lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác để bán và tiêu xài.

[5.2] Bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên”. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, cả hai bị hại đều xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Mặc dù tài sản bị cáo trộm cắp có giá trị không lớn và đã bị thu hồi để trao trả cho chủ sở hữu nhưng bị cáo đã từng bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”; bị chính quyền địa phương áp dụng biện pháp hành chính quản lý, giáo dục về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nhưng bị cáo vẫn không sửa đổi. Ngoài ra, đang trong quá trình điều tra vụ án này thì bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản” của người khác (đang trong quá trình điều tra) nên bị cáo được xem là có nhân thân không tốt.

[7] Do bị cáo là người chưa thành niên nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Sau khi cân nhắc, xem xét toàn diện chứng cứ, các tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo sống lang thang, không có nơi cư trú ổn định, gia đình không quản lý được bị cáo, đồng thời bị cáo liên tục phạm tội trong một khoảng thời gian ngắn, các hình phạt và biện pháp giáo dục khác không có tác dụng răn đe, phòng ngừa (khoản 6 Điều 91 Bộ luật Hình sự). Do đó Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng hình phạt cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có thể cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và để phòng ngừa chung cho xã hội.

[9] Về vật chứng: 02 điện thoại di động bị cáo trộm cắp của ông Cao Văn S đã được Cơ quan chức năng xử lý trao trả cho chủ sở hữu nên Hội đồng xét xử không xem xét; Đối với số tiền mặt 1.300.000 đồng bị cáo trộm cắp của bà Trương Thị Đ1 đã được chị Trương Thị T2 em tự nguyện trả lại cho bà Đ1 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét. Mặc dù chị Trương Thị Thẩm E vắng mặt tại phiên Tòa nhưng trong lời khai có trong hồ sơ thể hiện ý kiến về số tiền đã tự bỏ ra trả cho bà Trương

Thị Đ1 thay cho bị cáo thì chị Thẩm E không yêu cầu bị cáo trả lại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Đối với hành vi trộm cắp tài sản ngày 25/3/2025, tại chợ B1, thuộc khu phố B, thị trấn V, huyện V của bị cáo, Cơ quan điều tra đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can Nguyễn Thái T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, do vụ án này còn một số đối tượng có liên quan cần được điều tra làm rõ, chưa thể kết thúc điều tra nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L không nhập vụ án là phù hợp.

[12] Về việc Trương Thị Thẩm E có nhận của bị cáo T 700.000 đồng. Tuy nhiên, khi T đưa tiền, T chỉ nhờ T2 Em giữ dùm để chuộc điện thoại cho T và mua thức ăn. Thẩm E không biết đó là tiền do T phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với Thẩm E là phù hợp.

[13] Đối với Cao Văn N, sinh ngày 13/7/2010, khi Nguyễn Thái T lấy trộm 02 điện thoại di động của ông Cao Văn S, N không biết. Trên đường N chở T đi thị trấn V, N mới biết T trộm 02 điện thoại, N có khuyên T trả lại cho ông S và không có ý định nhận tiền khi T bán 02 điện thoại này. Mặc khác, hành vi phạm tội của T thuộc trường hợp tội phạm ít nghiêm trọng, N chưa đủ 16 tuổi, do đó Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với N là có căn cứ.

[14] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, bị cáo thuộc đối tượng hộ nghèo nên được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Quan điểm và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa và quan điểm của người bào chữa cho bị cáo phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thái T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thái T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 22/4/2025).

2. Căn cứ vào Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Thái T 45 (bốn mươi lăm ngày), kể từ ngày tuyên án (ngày 24/6/2025) để đảm bảo công tác thi hành án.

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thái T được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm do thuộc đối tượng hộ nghèo.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và các bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Công an tỉnh Long An;
- Phân trại tạm giam KV huyện Mộc Hóa;
- VKSND, CCTHADS huyện Vĩnh Hưng;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Yến Linh